**BÀI TẬP TÍN DỤNG NGÂN HÀNG**

**Bài tập 1:**

Số liệu tại ngân hàng thương mại Sài Gòn A:

1. **Bảng cân đối kế toán (31/12/2008)**

Đơn vị: Triệu đồng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tài sản** | **Số tiền** | **Nguồn vốn** | **Số tiền** |
| 1. **Tiền mặt tại quỹ** | 3.763.000 | I. Tiền gửi của các TCTD | 5.515.000 |
| 1. **Tiền gửi tại NHNN** | 4.429.000 | II. Vay NHNN&TCTD | 2.042.000 |
| 1. **Tiền gửi tại TCTD** | 4.925.000 | 1) Vay NHNN | 1.200.000 |
| 1. **Cho vay các TCTD khác** | 2.083.000 | 2) Vay các TCTD | 842.000 |
| 1. **Cho vay TCKT và cá nhân** | 35.085.000 | III. Tiền gửi các TCKT và dân cư | 43.062.500 |
| 1. **Cho vay ngắn hạn** | 20.500.000 | 1) Tiền gửi không kỳ hạn | 19.652.500 |
| 1. **Cho vay trung dài hạn** | 14.585.000 | 2) Tiền gửi có kỳ hạn | 23.410.000 |
| 1. **Các khoản đầu tư** | 7.794.500 | IV. Vốn tài trợ khác | 0 |
| 1. **Đầu tư chứng khoán** | 7.294.500 | V. Phát hành giấy tờ có giá | 6.697.500 |
| 1. **Góp vốn liên doanh** | 500.000 | VI. Tài sản nợ khác | 5.404.000 |
| 1. **Tài sản** | 1.675.000 | VII. Vốn và các quỹ NH | 3.489.500 |
| 1. **TSCĐ** | 1.295.000 | 1) Vốn điều lệ | 3.000.000 |
| 1. **Tài sản khác** | 380.000 | 2) Các quỹ NH | 489.500 |
| **Tổng tài sản** | **66.210.500** | **Tổng cộng nguồn vốn** | **66.210.500** |

1. **Báo cáo thu nhập và chi phí 2008:**
2. **Tổng thu nhập: 10.008.500**

**Trong đó:**

* Thu từ hoạt động tín dụng: 5.750.000
* Thu từ hoạt động dịch vụ: 2.672.000
* Các khoản thu nhập khác: 1.586.500

1. **Tổng chi phí: 8.312.700**

**Trong đó:**

* Chi phí hoạt động tín dụng: 4.497.500
* Chi phí hoạt động dich vụ: 1.013.500
* Chi phí cho nhân viên: 617.200
* Các khoản chi khác: 2.184.500

**Yêu cầu:**

1. Xác định lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận ròng của NHTM Sài Gòn A. Biết rằng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp với thuế suất 28%/năm.
2. Tính ROA và ROE và cho nhận xét về hiệu quả hoạt động kinh doanh của NHTM Sài Gòn A. Biết rằng ROA, ROE bình quân chung của ngành là 1,5%, 30%.
3. Nếu HĐQT quyết định sử dụng 30% lãi ròng để chia lãi cổ phần, thì tỷ suất cổ tức của NHTM Sài Gòn A là bao nhiêu % năm 2008?
4. Xác định các tỷ lệ sau đây tại NHTM Sài Gòn A:
5. Dự trữ sơ cấp/Tổng nguồn vốn
6. Dự trữ sơ cấp/Tổng nguồn vốn huy động
7. Tổng dư nợ/ Tổng nguồn vốn huy động
8. Tổng nguồn vốn huy động/Tổng nguồn vốn
9. Tổng nguồn vốn huy động/Vốn chủ sở hữu (Hệ số đòn bẩy)
10. Thu nhập lãi/Tổng dư nợ
11. Chi phí lãi/ Tổng nguồn vốn huy động
12. Biên chế lao động toàn hệ thống của NHTM Sài Gòn A là 3.620 người. Hãy xác định thu nhập bình quân/1 lao động và lãi ròng bình quân đầu người tại NHTM Sài Gòn A.

**Bài tập 2:** Ông X có tài khoản tiền gửi cá nhân tại CMB. Tình hình số dư tài khoản tiền gửi tháng 8/2006 của ông X như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày** | **Số dư** | **Ngày** | **Số dư** |
| 1/8 | 3.000.000 | 23/8 | 15.000.000 |
| 9/8 | 4.800.000 | 25/8 | 18.000.000 |
| 15/8 | 4.000.000 | 26/8 | 28.000.000 |
| 18/8 | 20.000.000 | 28/8 | 8.000.000 |
| 20/8 | 22.000.000 | 31/8 | 2.000.000 |

Giả sử bạn là nhân viên phụ trách tài khoản của ông X, Hãy tính lãi tiền gửi tháng 8/2006 của ông X, biết rằng CMB trả lãi suất tiền gửi cá nhân là 0,25%/tháng?

**Bài tập 3:** Công ty An Khánh làm thủ tục xin mở tài khoản tiền gửi không kỳ hạn tại NHTM Kiên Long. Tài khoản bắt đầu hoạt động từ năm 2007 đến nay. Tình hình số dư trên tài khoản của Cty An Khánh tháng 12/2008 như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày** | **Số dư** | **Ngày** | **Số dư** |
| 1/12 | 13.000.000 | 23/12 | 25.000.000 |
| 5/12 | 14.500.000 | 25/12 | 18.000.000 |
| 10/12 | 8.000.000 | 28/12 | 12.000.000 |
| 18/12 | 20.000.000 | 31/12 | 9.000.000 |

**Yêu cầu:**

1. Tính lãi tiền gửi tháng 12/2008 cho cty, biết rằng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn là 0,35%/Tháng?
2. Xác định số dư tài khoản tiền gửi ngày 1/1/2009, biết rằng lãi tiền gửi không kỳ hạn được nhập vốn?

**Bài tập 4:** Tháng 12/2006, trên tài khoản cho vay của NH đối với Cty A ta có các số liệu sau: (trd)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày** | **Số dư** | **Ngày** | **Số dư** |
| 1/12 | 5600 | 23/12 | 6000 |
| 6/12 | 6000 | 26/12 | 5500 |
| 10/12 | 4900 | 30/12 | 5000 |
| 14/12 | 4500 | 31/12 | 5000 |
| 18/12 | 5500 |  |  |

**Yêu cầu:**

Với lãi suất cho vay là 1,2%/tháng, hãy xác định lãi vay của Cty A trong tháng 12 theo phương pháp tích số?

**Bài tập 5:** Công ty X có tài khoản tiền gửi thanh toán tại CMB. Tình hình số dư tài khoản tiền gửi tháng 8 của công ty X như sau: (Đơn vị: Đồng)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày** | **Số dư** | **Ngày** | **Số dư** |
| 1/8 | 30.000.000 | 23/8 | 150.000.000 |
| 9/8 | 40.800.000 | 25/8 | 180.000.000 |
| 15/8 | 40.000.000 | 26/8 | 280.000.000 |
| 18/8 | 200.000.000 | 28/8 | 80.000.000 |
| 20/8 | 22.000.000 | 31/8 | 20.000.000 |

Giả sử bạn là nhân viên phụ trách tài khoản tiền gửi thanh toán của công ty X, hãy tính lãi tiền gửi tháng 8 cho tài khoản của ông X, biết rằng CMB trả lãi suất cho tài khoản tiền gửi thanh toán là 0,25%/tháng.

**Bài tập 6:** Mai Lan là sinh viên đang theo học tại Khoa Kinh tế, Luật và Ngoại ngữ trường Đại học Trà Vinh. Ngày 5/9 mẹ cho Lan 5 triệu đồng để dành chi tiêu trong năm học mới. lan đem toàn bộ số tiền này gửi vào sổ tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn ở chi nhánh Ngân hàng Công thương Trà Vinh. Trong tháng 9 sổ tiền gửi của Lan có thêm các giao dịch sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày** | **Diễn giải** | **Rút tiền** | **Gửi tiền** | **Số dư** |
| 5/09 | Gửi vào |  | 5.000.000 | 5.000.000 |
| 10/09 | Trả học phí | 2.000.000 |  | 3.000.000 |
| 15/09 | Thu nợ của Xuân |  | 1.000.000 | 4.000.000 |
| 18/09 | Trả tiền nhà | 600.000 |  | 3.400.000 |
| 25/9 | Cho mai mượn | 1.500.000 |  | 1.900.000 |
| 30/9 |  |  |  | 1.900.000 |

Giả sử bạn là giao dịch viên phụ trách tài khoản của Lan, hãy tính số tiền lãi tiết kiệm tháng 9 cho sổ tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn của Lan biết rằng ngân hàng trả lãi suất là 0,25%/tháng.

**Bài tập 7:** Hoàng Quân là sinh viên đang theo học tại Khoa Ngân hàng, trường Đại học KT.TPHCM. Ngày 5/9 chú của Quân cho 10 triệu đồng để dành chi tiêu cho năm học mới. Quân đem toàn bộ số tiền này gửi vào tài khoản tiền gửi cá nhân mở tại Ngân hàng Phương Đông – Phạm Ngọc Thạch. Trong tháng 9 tình hình tài khoản tiền gửi của Quân có các giao dịch sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày** | **Diễn giải** | **Rút tiền** | **Gửi tiền** | **Số dư** |
| 5/09 | Gửi vào |  | 10.000.000 | 10000000 |
| 10/09 | Trả học phí | 2.000.000 |  | 8000000 |
| 15/09 | Nhận học bổng |  | 1.000.000 | 9000000 |
| 18/09 | Trả tiền nhà | 600.000 |  | 8400000 |
| 25/9 | Cho mai mượn | 1.500.000 |  | 6900000 |
| 30/9 |  |  |  | 6900000 |

Giả sử bạn là giao dịch viên phụ trách tài khoản của Quân, hãy tính lãi tiền gửi tháng 9 cho tài khoản tiền gửi của Quân, biết rằng ngân hàng trả lãi suất tiền gửi tài khoản cá nhân là 0,25%/tháng.

**Bài tập 8:**

Ông Y dự định gửi tiết kiệm định kỳ 3 tháng tại CMB số tiền là 30 triệu đồng. lãi suất ngân hàng áp dụng cho loại tiền gửi này là 7,2%/năm. Giả sử bạn là nhân viên giao dịch. Vào ngày giao dịch, Ông Y hỏi bạn ông ấy sẽ nhận được cả gốc lẫn lãi khi đáo hạn là bao nhiêu nếu:

1. Ngân hàng chỉ tính lãi khi đáo hạn?
2. Ngân hàng tính lãi kép hàng tháng?

**Bài tập 9:**

Ông Z dự định gửi tiết kiệm định kỳ 6 tháng tại CMB số tiền là 300 triệu đồng. lãi suất ngân hàng áp dụng cho loại tiền gửi này là 7,25%/năm. Giả sử bạn là nhân viên giao dịch. Vào ngày giao dịch, Ông Z hỏi bạn ông ấy sẽ nhận được cả gốc lẫn lãi khi đáo hạn là bao nhiêu nếu:

1. Ngân hàng chỉ tính lãi khi đáo hạn?
2. Ngân hàng tính lãi kép hàng tháng?

**Bài tập 10:**

Bác N vừa lĩnh tiền trợ cấp nghĩ hưu 100 trđ và gửi vào ngân hàng. Do không còn đi làm nên bác kỳ vọng sống bằng lợi tức từ tiền gửi ngân hàng hằng tháng cộng với lương hưu, nếu thiếu thì con gái bác trợ cấp. NH hiện tại trả lãi suất 0,75%/tháng cho loại tiền gửi kỳ hạn 1 năm lãnh lãi hàng tháng. Lương hưu hàng tháng của bác N là 1 triệu đồng trong khi nhu cầu chi tiêu hàng tháng của bác là 2 triệu đồng. Nếu bạn cưới con gái bác N, hàng tháng bạn phải trợ cấp cho bác N là bao nhiêu?

**Bài tập 11:**

Phòng kế toán của Cty TNHH Đông Phong lập kế hoạch sản xuất kinh doanh năm nộp cho ngân hàng xin vay theo hạn mức, trong đó các khoản mục của bảng kế hoạch tài chính được liệt kê như sau (Đơn vị tính: Triệu đồng)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tài sản** | **Số tiền** | **Nợ và vốn chủ sở hữu** | **Số tiền** |
| Tài sản lưu động | 5,075 | Nợ phải trả | 7,198 |
| Tiền mặt và tiển gửi NH | 513 | Nợ ngắn hạn | 3,178 |
| Chứng khoán ngắn hạn | 0 | Phải trả người bán | 500 |
| Khoản phải thu | 1,662 | Phải trả công nhân viên | 178 |
| Hàng tồn kho | 2,900 | Phải trả khác | 0 |
| Tài sản lưu động khác | 0 | Vay ngắn hạn ngân hàng | 2,500 |
| Tài sản cố định ròng | 3,424 | Nợ dài hạn | 4,020 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 5,538 | Vốn chủ sở hữu | 6,839 |
| Tổng cộng tài sản | 14,037 | Tổng cộng nợ và VCSH | 14,037 |

Xác định hạn mức tín dụng của ngân hàng đối với Đông Phong theo 3 cách. Biết rằng vốn chủ sở hữu tham gia chiếm tỷ lệ 40% và 20% vốn vay dài hạn của ngân hàng là nhằm đáp ứng nhu cầu vốn lưu động thường xuyên.

**Bài tập 12:**

Công ty Đại Khánh gửi hồ sơ vay vốn ngắn hạn đến NH Công thương với tình hình sau đây: (Đơn vị: 1.000 đ)

1. Kế hoạch năm 2010:

* Doanh thu theo giá vốn: 165.000.000
* Vòng quay vốn lưu động: 5 vòng/năm

1. Số liệu thực tế đến 31/12/2009:

* Tài sản ngắn hạn (TSLĐ): 28.000.000
* Nợ ngắn hạn: 18.000.000
* Số dư quỹ đầu tư phát triển: 5.000.000
* Số dư quỹ dự phòng tài chính: 1.890.000
* Số dư quỹ khen thưởng: 2.200.000
* Số dư quỹ phúc lợi: 1.010.000
* Lợi nhuận chưa phân phối: 1.350.000
* Vay ngắn hạn ngân hàng: 12.500.000

Trong đó vay ngân hàng khác: 1.000.000

Yêu cầu:

1. Hãy dự kiến nhu cầu vốn lưu động năm 2010 cho Cty Đại Khánh?
2. Xác định hạn mức tín dụng ngắn hạn năm 2010 cho Cty Đại Khánh?Biết rằng trong năm 2010 Cty không có nhu cầu vay trung và dài hạn.
3. Tình hình vay và trả nợ của Cty Đại Khánh tại NH công thương tháng 1/2010 như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ngày tháng** | **Vay** | **Trả nợ** |
| 5/1/2010 | 0 | 500.000 |
| 10/1/2010 | 0 | 450.000 |
| `15/1/2010 | 0 | 300.000 |
| 18/1/2010 | 250.000 | 0 |
| 20/1/2010 | 0 | 400.000 |
| 25/1/2010 | 350.000 | 0 |
| 31/1/2010 | 100.000 | 0 |

Tính lãi tiền vay tháng 1/2010 của Cty Đại Khánh phải trả cho NH Công thương? Biết rằng lãi suất là 1,5%/tháng.

**Bài tập 13:**

Cty HTM gửi hồ sơ xin vay theo hạn mức tín dụng đến Ngân hàng Kiên Long, với các số liệu như sau: (Đơn vị tính: 1.000 đ)

1. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2009:
2. Tổng dự toán chi phí cả năm: 210.370.000

Trong đó chi phí không có tính chất sản xuất: 3.100.000

1. Tăng tốc độ luân chuyển vốn lưu động 5% so với năm trước.
2. Số liệu thực tế năm 2008:
3. Doanh thu năm 2008: 216.400.000
4. Các khoản giảm trừ: 30.400.000
5. Tài sản ngắn hạn:

Số dư đầu năm: 30.500.000

Số dư cuối năm: 31.500.000

Trích các số liệu trên bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2008

1. Tài sản ngắn hạn: 31.500.000
2. Nợ ngắn hạn: 25.500.000
3. Quỹ đầu tư phát triển: 3.800.000
4. Quỹ dự phòng tài chính: 2.200.000
5. Quỹ khen thưởng phúc lợi: 2.950.000
6. Lãi chưa phân phối: 1.850.000
7. Vay ngắn hạn ngân hàng: 15.600.000

Trong đó:

* Vay ngân hàng khác: 1.600.000
* Vay NH Kiên Long: 14.000.000

**Yêu cầu:**

Tính hạn mức tín dụng ngắn hạn năm 2009 cho Cty, biết rằng năm nay Cty không có nhu cầu vay vốn trung và dài hạn.

**Bài tập 14:**

Cty Phúc An Khang được NH công thương cho vay vốn lưu động theo phương pháp luân chuyển.

Đơn vị: 1.000 đ

1. Kế hoạch vay quý 4/2008 của Cty như sau:

* Hạn mức tín dụng: 12.000.000
* Vòng quay vốn tín dụng: 1,8 vòng/quý

1. Số liệu thực tế trên tài khoản cho vay luân chuyển quý 4/2008 như sau:

* Số dư nợ đầu quý: 10.400.000
* Tình hình vay, trả nợ trong quý như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày tháng** | **Số tiền vay** | **Số tiền trả nợ** | **Số dư nợ** |
| 01/10/2008 |  |  | 10,400,000 |
| 05/10/2008 | 1.500.000 |  | 11,900,000 |
| 09/10/2008 |  | 2,100,000 | 9,800,000 |
| 15/10/2008 | 1.000.000 | 1,200,000 | 9,600,000 |
| 23/10/2008 | 1.400.000 |  | 11,000,000 |
| 27/10/2008 |  | 1,800,000 | 9,200,000 |
| 30/10/2008 | 1.900.000 |  | 11,100,000 |
| 05/11/2008 | 900.000 |  | 12,000,000 |
| 10/11/2008 |  | 1,500,000 | 10,500,000 |
| 18/11/2008 |  | 1,500,000 | 9,000,000 |
| 25/11/2008 | 3.000.000 |  | 12,000,000 |
| 30/11/2008 |  | 2,000,000 | 10,000,000 |
| 05/12/2008 |  | 1,200,000 | 8,800,000 |
| 10/12/2008 | 2.000.000 | 1,500,000 | 9,300,000 |
| 16/12/2008 | 1.200.000 |  | 10,500,000 |
| 21/12/2008 | 1.700.000 | 1,600,000 | 10,600,000 |
| 25/12/2008 | 2.200.000 | 2,000,000 | 10,800,000 |
| 30/12/2008 |  | 1,400,000 | 9,400,000 |
| 31/12/2008 | 1.500.000 |  | 10,900,000 |

Yêu cầu:

1. Tính lãi tiền vay tháng 10, tháng 11, tháng 12 theo phương pháp tích số. Biết rằng ngân hàng công thương chọn tính lãi vào ngày 30 hàng tháng. Riêng tháng 12 được tính vào ngày 31. Lãi suất cho vay ngắn hạn là 1,35%/tháng.
2. Xác định vòng quay vốn tín dụng quý 4/2008 của Cty Phúc An Khang. Xử phạt nếu công ty không thực hiện đúng vòng quay vốn tín dụng.
3. Giả sử hạn mức tín dụng quý I/2009 được xác định là 12.500.000. Hãy nêu nhận xét và hướng xử lý.

**Bài tập 15:**

Công ty A gửi hồ sơ xin vay theo HMTD tại ngân hàng KSB với số liệu như sau: (Đơn vị 1.000đ)

1. Dự toán chi phí năm 2009: 33.900.000

Trong đó: Chi phí không có tính chất SXKD: 2.400.000

1. Số liệu thực tế năm 2008:

* Doanh thu: 28.000.000
* Các khoản giảm trừ: 1.400.000
* VLĐ sử dụng bình quân năm 2008: 3.800.000

1. Trích số liệu trên bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2008:
   1. Nguồn vốn kinh doanh: 10.600.000

Trong đó VLĐ ròng: 2.300.000

* 1. Quỹ đầu tư phát triển: 310.000
  2. Quỹ dự phòng tài chính: 120.000
  3. Lãi chưa phân phối: 39.000
  4. Quỹ khen thưởng – phúc lợi: 51.000
  5. Vay ngắn hạn ngân hàng: 1.520.000

Trong đó vay ngân hàng khác: 280.000

**Yêu cầu:**

Xác định HMTD năm 2009 cho công ty A.

**Bài tập 16:**

Công ty ABC gửi hồ sơ xin vay theo HMTD tại ngân hàng KSB với số liệu như sau: (Đơn vị 1.000 đ)

1. Dự toán chi phí năm 2009: 85.900.000

Trong đó: Chi phí không có tính chất SXKD: 2.200.000

1. Số liệu thực tế năm 2008:

* Doanh thu: 78.000.000
* Các khoản giảm trừ: 1.200.000
* VLĐ sử dụng bình quân năm 2008: 12.800.000

1. Trích số liệu trên bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2008:
   1. Tài sản ngắn hạn: 13.400.000
   2. Nợ ngắn hạn: 10.500.000
   3. Quỹ đầu tư phát triển: 2.310.000
   4. Quỹ dự phòng tài chính: 620.000
   5. Lãi chưa phân phối: 530.000
   6. Quỹ khen thưởng – phúc lợi: 951.000
   7. Vay ngắn hạn ngân hàng: 7.000.000

Trong đó vay ngân hàng khác: 311.000

**Yêu cầu:**

Xác định HMTD năm 2010 cho công ty A.

**Bài tập 17:**

Thứ Hai ngày 10/1/2007 Công ty QS là người sở hữu các chứng từ dưới đây đã đến ngân hàng K xin chiết khấu:

1. Hối phiếu; Số tiền 180.000.000 đ; Ngày thanh toán 19/7/2007.
2. Trái phiếu; MG 200.000.000 đ; Thời hạn 1 năm; Lãi suất 12%/năm; Ngày đến hạn: 7/9/2007. Vốn gốc và lãi được thanh toán 1 lần khi đến hạn.
3. Trái phiếu chính phủ; MG 100.000.000 đ; Thời hạn 1 năm; Lãi suất 10%/năm; Ngày đến hạn: 20/4/2007. Trả lãi trước.

Kiểm tra các chứng từ trên NH K đã đồng ý chiết khấu.

Lãi suất cho vay là 1,2%/tháng; Tỷ lệ hoa hồng chiết khấu là 0,5%; Phí cố định thu 50.000 đ/chứng từ.

**Yêu cầu:**

1. Tính số tiền chiết khấu NH K nhận được?
2. Xác định số tiền còn lại thanh toán cho công ty QS?

**Bài tập 18:**

Thứ Hai, ngày 31/5/2007, Cty A đến NH Công thương K xin vay chiết khấu các chứng từ sau:

1. Trái phiếu; MG: 800.000.000 đ; Thời hạn: 2 năm; Lãi suất: 9%/năm. Ngày đáo hạn: 7/1/2008; Lãi và vốn gốc thanh toán một lần khi đến hạn.
2. Trái phiếu chính phủ; MG 700.000.000 đ; Thời hạn 2 năm; Lãi suất 10%; Trả lãi trước. Ngày đáo hạn 9/3/2008.

NH K chấp nhận chiết khấu; Lãi suất cho vay: 1,2%/tháng; Tỷ lệ hoa hồng phí: 0,5%.

**Yêu cầu:**

1. Tính số tiền chiết khấu NH K được hưởng?
2. Giá trị còn lại thanh toán cho Cty A?

**Bài tập 19:**

Công ty A – người hưởng lợi 2 chứng từ sau đây đến NH KLB để xin chiết khấu vào ngày 12/5/2009.

1. Chứng từ thứ nhất: Hối phiếu số 018/HP có nội dung như sau:

Số tiền HP: 658.000.000

Người ký phát: Công ty BK

Người trả tiền: Công ty ML

Ngày thanh toán: 18/12/2009

1. Chứng từ thứ hai: Trái phiếu số TP0045 do KBNN X phát hành.

Ngày phát hành: 12/10/2008

Ngày đáo hạn: 12/10/2009

Mệnh giá: 500.000.000

Thời hạn: 1 năm

Lãi suất: 10%

Tiền mua trái phiếu và lãi được thanh toán 1 lần khi đến hạn.

Ngân hàng KLB sau khi đã kiểm tra chứng từ nói trên đã đồng ý nhận chiết khấu với điều kiện:

Lãi suất cho vay: 1%/tháng

Tỷ lệ hoa hồng phí: 0,5%

**Yêu cầu:**

1. Xác định số tiền chiết khấu NH KLB được hưởng?
2. Giá trị còn lại thanh toán cho Cty A?

**Bài tập 20:**

Ngày 15/10/2008 công ty ABC đến ngân hàng công thương xin chiết khấu các chứng từ dưới đây:

1. Hối phiếu số 018/HP:

* Số tiền: 200.000.000
* Ngày ký phát: 5/5/2008
* Ngày chấp nhận: 10/5/2008
* Người ký phát: Công ty KP
* Người hưởng lợi: Công ty ABC
* Ngày thanh toán: 10/02/2009

1. Trái phiếu kho bạc số 0425/TP:

* Mệnh giá: 500.000.000
* Thời hạn: 3 năm
* Ngày phát hành: 15/01/2006
* Ngày đáo hạn: 15/01/2009
* Lãi suất: 10%/năm
* Tiền mua trái phiếu và lãi được thanh toán 1 lần khi đến hạn.
* Người mua trái phiếu: Công ty ABC
* Người phát hành: Kho bạc nhà nước

1. Trái phiếu ngân hàng số 002928:

* Mệnh giá: 300.000.000
* Thời hạn: 3 năm
* Ngày phát hành: 15/4/2006
* Ngày đáo hạn: 15/4/2009
* Lãi suất: 9%/năm, trả lãi định kỳ hàng năm
* Đơn vị phát hành: Ngân hàng công thương
* Người sở hữu trái phiếu: Công ty ABC

Sau khi kiểm tra các chứng từ nói trên ngân hàng công thương đồng ý chiết khấu ngay trong ngày với điều kiện:

* Lãi suất chiết khấu là: 1,2%/tháng
* Tỷ lệ hoa hồng phí: 0,6%

**Yêu cầu:**

1. Xác định giá trị chiết khấu các chứng từ nói trên.
2. Tính số tiền chiết khấu ngân hàng công thương được hưởng.
3. Tính giá trị còn lại thanh toán cho công ty ABC.

**Bài tập 21:**

Ngày 4/3/2009, Công ty XNK tổng hợp Đại Dương xuất trình 1 hối phiếu để xin chiết khấu tại Ngân hàng ngoại thương – Chi nhánh TP. Hối phiếu có nội dung như sau: Số tiền: 1.200.000 USD; Ngày ký phát: 20/02/2009; Ngày chấp nhận: 26/02/2009; Ngày thanh toán: 90 ngày kể từ ngày chấp nhận; Người ký phát: Cty XNK tổng hợp Đại Dương; Người chấp nhận: Kazura Bank (Nhật Bản); Người hưởng lợi: Cty XNK Đại Dương

Yêu cầu:

1. Hãy nêu những nội dung mà Ngân hàng Ngoại thương cần thẩm định trước khi đồng ý chiết khấu?
2. Nếu sau 2 ngày ngân hàng ngoại thương đồng ý chiết khấu, hãy xác định số tiền Ngân hàng ngoại thương phải thanh toán cho công ty XNK Đại Dương (biết rằng lãi suất chiết khấu là 0,9%/tháng, tỷ lệ hoa hồng phí là 0,7%)?
3. Khi đến hạn Ngân hàng ngoại thương sẽ phải xuất trình HP trên cho ai và được thanh toán bao nhiêu tiền? Xác định số thu nhập thực tế của Ngân hàng ngoại thương, biết rằng phí nhờ thu và chuyển tiền là 0,2%?
4. Nêu những rủi ro mà Ngân hàng ngoại thương TP sẽ phải đối mặt khi thực hiện chiết khấu HP trên?

**Bài 22:** Cty kinh doanh lương thực Đại Nam trình hồ sơ kế hoạch vay vốn tại NHNo như sau:

1. Kế hoạch năm 2009:

* Sản lượng thóc thu mua trên thị trường cả năm 1.200.000 tấn.
* Giá thu mua bình quân năm: 2.600.000đ/tấn.
* Chi phí vận chuyển, bốc dỡ: 100.000đ/tấn.
* Các chi phí khác: 10.000đ/tấn.

1. Tình hình nguồn vốn của công ty đến 31/12/2008:

* Vốn lưu động ròng: 220.000.000.000đ
* Số dư các quỹ: 178.000.000.000đ
* Lợi nhuận chưa phân phối: 82.000.000.000đ
* Dư nợ cho vay ngắn hạn tại NH Nông nghiệp: 215.000.000.000đ

1. Vòng quay VLĐ năm 2008 đạt 4 vòng/năm; Năm 2009 tăng tốc độ luân chuyển VLĐ 5%.

**Yêu cầu:**

1. Dự kiến nhu cầu VLĐ cho công ty Đại Nam trong năm 2009.
2. Dự kiến HMTD cho Cty năm 2009. Biết rằng vốn tự có của NH là 12.000 tỷ.
3. Nêu nhận xét và hướng xử lý.

**Bài 23:** Cty Hoàng Long, được NH Công thương chấp nhận một HMTD cho năm 2009 là 5.000 triệu. Trong năm NH đã giải ngân 2 đợt.

* Đợt 1: Cty được NH Công thương giải ngân 2.500 triệu vào ngày 7/1/2009 với thời hạn 5 tháng, lãi suất 1,2%/tháng, mỗi tháng trả nợ một lần theo cách chia đều, lãi tính theo số dư.
* Đợt 2: Cty được giải ngân 1.700 triệu vào ngày 17/3 với thời hạn 2 tháng, gốc trả 1 lần vào cuối kỳ, lãi suất 1,1%/tháng.

Yêu cầu:

1. Xây dựng lịch trả nợ cho 2 khoản tín dụng trên.
2. Xác định số tiền lãi phải trả và thời hạn thanh toán lãi cho 2 khoản tín dụng trên.
3. Lập bảng tổng hợp thời hạn thanh toán gốc và lãi vay ngân hàng cho cty Hoàng Long.

**Bài 24:** Công ty Trường Thịnh sở hữu 1 lô trái phiếu CP gồm 4 loại sau đây:

1. Trái phiếu A: Mệnh giá: 500.000.000; Thời hạn: 3 năm; Lãi suất: 10%/năm trả lãi 1 lần khi đáo hạn; Ngày phát hành 20/09/2006; Ngày đáo hạn 20/09/2009.
2. Trái phiếu B: Mệnh giá: 600.000.000; Thời hạn: 3 năm; Lãi suất: 9,6%/năm trả lãi định kỳ hàng năm; Ngày phát hành 20/09/2006; Ngày đáo hạn 20/09/2009.
3. Trái phiếu C: Mệnh giá: 700.000.000; Thời hạn: 3 năm; Lãi suất: 9%/năm trả lãi trước hàng năm; Ngày phát hành 20/09/2006; Ngày đáo hạn 20/09/2009.
4. Trái phiếu D: Mệnh giá: 800.000.000; Thời hạn: 3 năm; Lãi suất: 8,5%/năm trả lãi trước 1 lần; Ngày phát hành 20/09/2006; Ngày đáo hạn 20/09/2009.

Vào ngày 18/4/2009, do cần vốn để kinh doanh, công ty đến ngân hàng K xin chiết khấu. Sau khi thẩm định lô trái phiếu, NH K đã đồng ý chiết khấu ngay trong ngày với lãi suất CK là 1%/tháng, hoa hồng phí là 0,4%.

Yêu cầu:

1. Xác định giá trị CK lô TP trên?
2. Xác định thời hạn chiết khấu?
3. Xác định số tiền NH K được hưởng?
4. Tính số tiền NH K phải thanh toán cho Cty?
5. Xác định xem vào thời gian nào, NH K sẽ phải xuất trình lô TP cho ai và được thanh toán bao nhiêu tiền?

**Bài 25:** Ngày 26/4/2009, Cty Phú Gia đến NH Kiên Long xin chiết khấu 3 chứng từ sau đây:

1. Hối phiếu số 0296/HP: Số tiền 1.800.000.000đ; ngày thanh toán 24/10/2009; người trả tiền: công ty CN; Người hưởng lợi: Cty Phú Gia.
2. Trái phiếu CP số 0369/TPCP: Mệnh giá 2.000.000.000; thời hạn 2 năm; lãi suất 10%/năm; trả lãi khi đáo hạn; ngày phát hành: 15/10/2007; ngày đáo hạn: 15/10/2009; người phát hành: Kho bạc Nhà nước; Người mua trái phiếu: Cty Phú Gia.
3. Trái phiếu NH số 0676/TPNH: Mệnh giá 1.500.000.000; thời hạn 3 năm; lãi suất 11%/năm; trả lãi khi đáo hạn; ngày phát hành: 23/9/2006; ngày đáo hạn: 23/9/2009; người phát hành: NH Kiên Long; Người mua trái phiếu: Cty Phú Gia.

Ngân hàng Kiên Long đồng ý chiết khấu vì nhận thấy các chứng từ nói trên đều hợp lệ, hợp pháp, đảm bảo khả năng thanh toán khi đáo hạn.

Yêu cầu:

1. Xác định giá trị CK lô TP trên?
2. Xác định thời hạn chiết khấu?
3. Xác định số tiền NH K được hưởng biết rằng ngân hàng đang áp dụng lãi suất CK là 0,9%/tháng; tỷ lệ hoa hồng 0,3%?
4. Tính số tiền NH K phải thanh toán cho Cty?
5. Lập bảng kê chiết khấu?

**Bài tập 26:**

Cty Quảng Châu được NH Công Thương cho vay thấu chi, với hạn mức thấu chi được thỏa thuận trong quý I/2009 là 6.000.000.000đ. Số dư tài khoản tiền gửi của Cty Quảng Châu trong tháng 3/2009 như sau: (ĐVT: 1000đ)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ngày tháng** | **Số dư có** | **Số dư nợ (Thấu chi)** |
| 1/3 | 15.000.000 |  |
| 3/3 | 6.000.000 |  |
| 5/3 |  | 2.000.000 |
| 9/3 |  | 4.000.000 |
| 13/3 | 2.000.000 |  |
| 16/3 | 8.000.000 |  |
| 19/3 | 5.000.000 |  |
| 21/3 |  | 6.000.000 |
| 25/3 | 1.000.000 |  |
| 27/3 |  | 5.000.000 |
| 29/3 | 12.000.000 |  |
| 31/3 | 10.000.000 |  |

***Yêu cầu:***

1. Tính lãi tiền gửi và lãi tiền vay trong tháng 3/2009. Biết rằng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn là 0,3%/tháng; Lãi suất cho vay ngắn hạn là 1,05%/tháng?
2. Ngân hàng và cty Quảng Châu thỏa thuận bù trừ lãi tiền gửi và lãi tiền vay. Nếu lãi tiền gửi > lãi tiền vay thì ngân hàng ghi có vào tài khoản của khách hàng số chênh lệch. Nếu lãi tiền vay > lãi tiền gửi thì ngân hàng ghi nợ vào tài khoản tiền gửi của khách hàng. Hãy thực hiện bù trừ lãi tháng 3/2009 cho cty Quảng Châu?

**Bài tập 28:**

Ngày 11/10/2012, Khách hàng A mua trả góp Máy tính bảng Samsung Galaxy Note 10.1 N8000 (16GB) tại [www.muahangtragop.com](http://www.muahangtragop.com) với giá **17,690,000 VNĐ** (bao gồm thuế VAT). Khách hàng thanh toán trước 30% giá trị sản phẩm còn lại trả góp trong vòng 12 tháng. Bảng tính chi tiết công ty cung cấp cho khách hàng như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian vay** | **% thanh toán trước** | **Số tiền trả hàng tháng** | **Số tiền trả tháng đầu tiên** | **Số tiền để dành/ngày** |
| 6 tháng | 30% | 2,336,000 | 2,337,000 | 75,355 |
| 9 tháng | 30% | 1,648,000 | 1,650,000 | 53,161 |
| 12 tháng | 30% | 1,304,000 | 1,308,000 | 42,065 |
| 18 tháng | 30% | 960,000 | 966,000 | 30,968 |
| 24 tháng | 30% | 788,000 | 797,000 | 25,419 |

(Nguồn: [www.muahangtragop.com](http://www.muahangtragop.com))

**Yêu cầu:**

1. Hãy tính số tiền trả trước của khách hàng A và số tiền còn lại khách hàng A còn phải thanh toán cho công ty?
2. Hãy tính lãi suất mà khách hàng phải chịu khi mua trả góp sản phẩm trên và tổng số tiền mà Cty thu được từ việc bán sản phẩm trên cho khách hàng A?

***Câu 29:***

Ngày 11/10/2012, Khách hàng B đề nghị mua trả góp Laptop Acer AO756-877BCss NU.SGTSV.001. Giá cty thông báo là **6,790,000 VNĐ** (Đã bao gồm VAT). Khách hàng đề nghị thanh toán trước **50%** giá trị sản phẩm phần còn lại xin trả góp. Nếu bạn là nhân viên phụ trách bán hàng trả góp cho khách hàng hãy lập bảng tính số tiền trả góp mỗi tháng cho khách hàng theo thời hạn 6, 9, 12, 18 và 24 tháng để khách hàng lựa chọn?Biết rằng lãi suất thời hạn 6, 9, 12, 18 và 24 lần lược là 13,11%/6 tháng, 19,56%/9 tháng, 26,19%/12 tháng, 39,44%/18 tháng và 52,7%/24 tháng.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian vay** | **% thanh toán trước** | **Số tiền trả hàng tháng** | **Số tiền để dành/ngày** |
| 6 tháng | 50% | ………………….. | ………………….. |
| 9 tháng | 50% | ………………….. | ………………….. |
| 12 tháng | 50% | ………………….. | ………………….. |
| 18 tháng | 50% | ………………….. | ………………….. |
| 24 tháng | 50% | ………………….. | ………………….. |

**Bài tập 30:**

Một khách hàng gửi tiết kiệm nhận lãi linh hoạt số tiền 100 triệu đồng kỳ hạn 3 tháng (2/2/2007 – 2/5/2007), lãi suất 0,71%/tháng. Giả sử ngày 15/3/2007 khách hàng cần rút tiền thì tiền lãi khách nhận được là bao nhiêu? Lãi suất không kỳ hạn là 0,25%/tháng.

**Bài tập 31:**

Một khách hàng gửi tiết kiệm 200 triệu đồng kỳ hạn 3 tháng theo phương thức chi trả linh hoạt (10/3/2010 – 10/6/2010), lãi suất 1,2%/tháng. Giả sử ngày 15/5/2010 khách hàng cần rút tiền thì tiền lãi của quý khách nhận được là bao nhiêu? Nếu tính theo hình thức tiết kiệm thông thường thì tiền lãi khách hàng nhận được là bao nhiêu? Biết rằng lãi suất không kỳ hạn là 0.25%/tháng?

**Bài tập 32:**

Giả sử bạn là giao dịch viên phụ trách tài khoản tiền gửi tiết kiệm của khách hàng cá nhân. Đầu giờ giao dịch, Cô chín đến trình bày rằng hiện tại cô vừa bán miếng đất được 200 lượng vàng SJC. Cô chín muốn gửi ngân hàng lấy lãi hàng tháng bổ sung thu nhập cùng với lương hưu để có tiền chi tiêu hàng tháng nhưng phải bảo tồn được vốn gốc. Cô chín đang xem xét 2 phương án gửi tiền: (1) Gửi tiết kiệm bằng vàng kỳ hạn 1 năm lĩnh lãi hàng tháng với mức lãi suất 3%/năm. (2) gửi tiết kiệm bằng USD kỳ hạn 1 năm lĩnh lãi hàng tháng với lãi suất 4,25%/năm. Giá vàng hiện tại 505USD 1 lượng. Là nhân viên phụ trách giao dịch với khách hàng cá nhân, bạn khuyên cô chín nên gửi tiền tiết kiệm loại nào và tính xem mỗi tháng cô ấy có được bao nhiêu lãi?

**Bài tập 33:**

Ngày 1/7/2012, Khách hàng A đến NHTMCP Đông Á xin vay thế chấp số tiền 120.000.000 đ để mua nhà ở. Sau khi thẩm định và đánh giá tài sản đảm bảo và khả năng trả nợ của khách hàng, NHTMCP Đông Á đồng ý cho khách hàng vay số tiền trên với lãi suất 17%/năm, thời hạn 3 năm, số tiền gốc phải trả mỗi tháng là 3.350.000đ, lãi tính theo số dư. Khách hàng được NH giải ngân vào ngày 10/7/2012 và trả lãi và vốn gốc lần đầu tiên vào ngày 1/8/2012, các kỳ trả lãi tiếp theo vào ngày 01 hàng tháng. Sau đó do lãi suất giảm xuống nên ngân hàng đã điều chỉnh lãi suất giảm xuống 2%/năm từ tháng 10/2012. Giả sử bạn là nhân viên phụ trách cho vay khách hàng cá nhân, hãy tính tiền lãi mỗi tháng và tổng số tiền (gốc + lãi) hàng tháng mà khách hàng phải trả cho ngân hàng cho năm đầu tiên (tháng 07/2012 đến tháng 4/2013)?

**Bài tập 34:**

Số liệu tại Cty Hoà Bình (Đơn vị tính: triệu đồng)

Bảng Cân đối kế toán ngày 31/12/2008:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TÀI SẢN** | **ST** | **NGUỒN VỐN** | **ST** |
| 1. TS NGẮN HẠN | **15000** | 1. NỢ PHẢI TRẢ | **15800** |
| 1. Vốn bằng tiền | **3700** | 1. Nợ ngắn hạn | **10000** |
| 1. Đầu tư TC ngắn hạn | **1000** | 1. Vay ngắn hạn NH | **5100** |
| 1. Các khoản phải thu | **2900** | 1. Nợ NH khác | **4900** |
| 1. Hàng tồn kho | **5850** | 1. Nợ dài hạn | **5800** |
| 1. TSLĐ khác | **1550** | 1. Vay trung dài hạn | **5800** |
|  |  | 1. Nợ dài hạn khác | **0** |
| 1. TS DÀI HẠN | **20000** | 1. VỐN CSH | **19200** |
| 1. TSCĐ | **24500** | 1. Nguồn vốn – quỹ | **18700** |
| * Hao mòn TSCĐ | **(4500)** | 1. Nguồn vốn KD | **14400** |
| 1. Đầu tư TC dài hạn | **0** | 1. CL đánh giá lại TS | **0** |
| 1. Xây dựng CB dở dang | **0** | 1. Các quỹ | **2600** |
|  |  | 1. Lãi chưa phân phối | **1700** |
|  |  | 1. Nguồn kinh phí | **500** |
| **TỔNG TÀI SẢN** | **35000** | **TỔNG NGUỒN VỐN** | **35000** |

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2008**

|  |  |
| --- | --- |
| **CHỈ TIÊU** | **SỐ TIỀN** |
| Tổng doanh thu | 99500 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 5900 |
| 1. Doanh thu thuần | 93600 |
| 1. Giá vốn hàng bán | 76720 |
| 1. Tổng thu nhập | 16880 |
| 1. Chi phí bán hàng | 4550 |
| 1. Chi phí quản lý | 4250 |
| 1. Chi phí tài chính (lãi vay ngân hàng) | 1370 |
| 1. Lợi nhuận thuần từ HĐKD | 6710 |
| 1. Lợi nhuận hoạt động tài chính | 120 |
| 1. Lợi nhuận bất thường | 0 |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 6830 |
| 1. Thuế thu nhập | 1912 |
| 1. Lợi nhuận sau thuế | 4468 |

**Chỉ tiêu kế hoạch 2009:** Doanh thu thuần: 102.960

**Yêu cầu:**

**1.** Đánh giá thực trạng tài chính của DN thông qua các chỉ tiêu phản ánh hệ số hoạt động, khả năng thanh toán, an toàn tài chính và khả năng sinh lời.

**2.** Xác định HMTD ngắn hạn năm 2009 cho DN.

**--HẾT--**